

(Đề gồm 3 trang)

(Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian giao đề)

- Câu 1:** Một gen có chiều dài 3060 Å, gen này có tổng số nucleotit là
A. 1800. B. 3600. C. 3060. D. 900.
- Câu 2:** Một phân tử ADN ở sinh vật nhân thực có số nucleotit loại G chiếm 35% tổng số nucleotit. Tỷ lệ số nucleotit loại X trong phân tử ADN này là
A. 40%. B. 20%. C. 35%. D. 15%.
- Câu 3:** Trong ADN, nucleotit loại A luôn bằng nucleotit loại nào dưới đây?
A. T B. G C. X D. A
- Câu 4:** Gen B có 500 G và có tổng số liên kết hiđrô là 3500. Số nucleotit loại A của gen B là:
A. 500 B. 1050 C. 1000 D. 900
- Câu 5:** Gen b có 300 G và 900 A. Tổng số nucleotit của gen b là:
A. 2400 B. 1200 C. 2700 D. 3300
- Câu 6:** Trên một đoạn mạch của ADN có trình tự nucleotit là 5'AGG TTA ATG XXX 3'. Trình tự nucleotit tương ứng trên đoạn mạch 2 của ADN đó là
A. 3'ATX XAT TAX XGG 5' B. 3'TXG GAT TAX XGG 3'
C. 3'TXX AAT TAX GGG 5' D. 3'TXX ATT TAG GGX 5'
- Câu 7:** Gen B ở sinh vật nhân sơ có 3000 nucleotit và có số nucleotit loại G nhiều gấp 2 lần số nucleotit loại A. Số lượng từng loại nucleotit của alen B là
A. A = T = 500; G = X = 1000 B. A = T = 600; G = X = 900
C. A = T = 1000; G = X = 500 D. A = T = 900; G = X = 600
- Câu 8:** Một đoạn ADN có số nucleotit loại G = 720 và 3120 liên kết hiđrô. Đoạn ADN đó có tổng số nucleotit là
A. 1800 B. 2400 C. 3000 D. 1200
- Câu 9:** Một đoạn ADN có A = 400 và trên mạch 1 có A = 300. Trên mạch 1 của ADN số nucleotit loại T là
A. 400 B. 700 C. 300 D. 100
- Câu 10:** Cấu trúc có chức năng tổng hợp prôtêin
A. Lưới nội chất hạt. B. Lưới nội chất trơn.
C. Bộ máy gongi D. Nhân
- Câu 11:** Trong tế bào, cấu trúc 2 lớp màng là
A. Ribôxôm. B. Không bào.
C. Lizôxôm. D. Ti thể.
- Câu 12:** Khi nói về ribôxôm ý nào sau đây đúng?
A. Làm nhiệm vụ tổng hợp lipit cho tế bào.
B. Được cấu tạo bởi hai thành phần chính là ADN và protein.
C. Là bào quan không có màng bao bọc.
D. Chỉ có ở tế bào thực vật.
- Câu 13:** Giúp tế bào trao đổi chất có chọn lọc với môi trường là chức năng của
A. màng sinh chất. B. ribôxôm.
C. thành tế bào D. Nhân con.
- Câu 14:** Trong tế bào động vật, cấu trúc chứa ADN
A. nhân. B. Lưới nội chất.
C. Bộ máy gongi. D. Ribôxôm
- Câu 15:** Trong chất nền của cấu trúc lục lạp có
A. riboxôm. B. không bào.
C. lizôxôm. D. enzim hô hấp.
- Câu 16:** Bào quan nào dưới đây có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật?
A. Thành xenlulôzơ. B. Lưới nội chất.

C. Bộ máy gôngi. D. Ribôxôm

Câu 17: Có bao nhiêu đặc điểm sau là đặc điểm chung của mạng lưới nội chất trơn và mạng lưới nội chất hạt?

- I. Là hệ thống ống tách biệt nhau.
- II. là hệ thống nội màng.
- III. Có chứa riboxom
- IV. Có chứa ADN

A. 1.

B. 2.

C. 4.

D. 3.

Câu 18: Cấu trúc chứa ADN và ribôxôm trong chất nền

A. nhân

B. lục lạp

C. lưới nội chất hạt.

D. bộ máy gôngi

Câu 19: Cấu trúc chứa vật chất di truyền

A. Ti thể, lục lạp, nhân.

A. Ti thể, lục lạp, lưới nội chất hạt.

C. Ti thể, lục lạp, lưới nội chất trơn.

D. Ti thể, lục lạp, màng sinh chất.

Câu 20: Tế bào nhân sơ và lục lạp của tế bào nhân thực đều chứa

A. riboxom

B. ti thể

C. lục lạp

D. lưới nội chất

Câu 21: Khi nói về vận chuyển thụ động các chất qua màng tế bào, nhận xét nào dưới đây đúng?

A. Glucôzơ khuếch tán vào trong tế bào qua lớp kép photpholipit.

B. Na^+ đi qua màng sinh chất nhờ kênh prôtêin xuyên màng.

C. Các ion NaCl vào trong tế bào bằng cách biến dạng của màng sinh chất.

D. CO_2 và O_2 khuếch tán vào trong tế bào nhờ kênh prôtêin xuyên màng.

Câu 22: Khi nói về phương thức vận chuyển chủ động, nhận định nào dưới đây đúng?

A. Không tiêu tốn năng lượng, các chất vận chuyển từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao.

B. Không tiêu tốn năng lượng, các chất vận chuyển tán từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp.

C. Có tiêu tốn năng lượng, các chất vận chuyển từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp.

D. Có tiêu tốn năng lượng, các chất vận chuyển từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao.

Câu 23: Hiện tượng tế bào "uống" các chất ở dạng lỏng.

A. xuất bào.

B. thực bào.

C. ẩm bào.

D. tiêu hoá ngoại bào

Câu 24: Thí nghiệm co và phản co nguyên sinh sử dụng dụng cụ

A. Lamén

B. kính lúp.

C. đèn cồn

D. ống nghiệm.

Câu 25: Một tế bào nhân tạo chỉ chứa NaCl với nồng độ là 0,6%. Dung dịch nào sau đây là môi trường đẳng trương so với dịch tế bào?

A. Dung dịch NaCl 2%

B. Dung dịch NaCl 0,6%

C. Dung dịch NaCl 5%

D. Nước cất

Câu 26: Một chất A được vận chuyển chủ động qua màng tế bào nhờ bơm prôtêin. Khi nói về chất A, những phát biểu nào sau đây đúng?

I. Chất A có thể có kích thước nhỏ, không phân cực, không tích điện

II. Chất A có thể có kích thước nhỏ và phân cực

III. Chất A có thể là chất tan trong lipit

IV. Chất A là có thể có kích thước nhỏ và tích điện

A. I, IV

B. I, II

C. III, IV

D. II, IV

Câu 27: Khi cho tế bào hồng cầu (có nồng độ chất tan là 0,9%) vào nước muối (có nồng độ 3%), hiện tượng nào dưới đây sẽ xảy ra?

A. Tế bào hồng cầu không thay đổi

B. Tế bào hồng cầu teo đi

C. Tế bào hồng cầu trương lên và vỡ ra

D. Tế bào hồng cầu trương lên nhưng không vỡ

Câu 28: Khi quan sát dưới kính hiển vi thấy khí khổng đang mở, để quan sát hiện tượng (A) cần phải nhỏ một giọt dung dịch muối loãng ở một phía của lá kính, phía đối diện đặt giấy thấm để đưa nhanh dung dịch muối vào vùng có tế bào. Hiện tượng (A) là

A. co nguyên sinh.

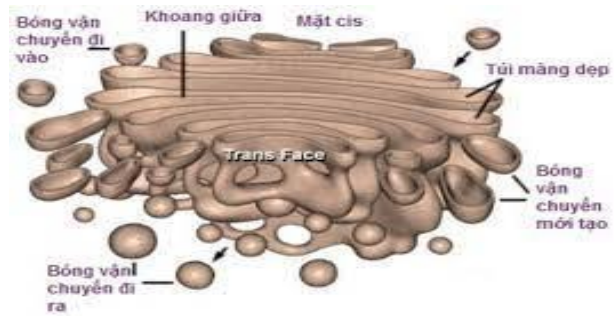
B. tế bào hút nước.

C. tế bào vỡ ra.

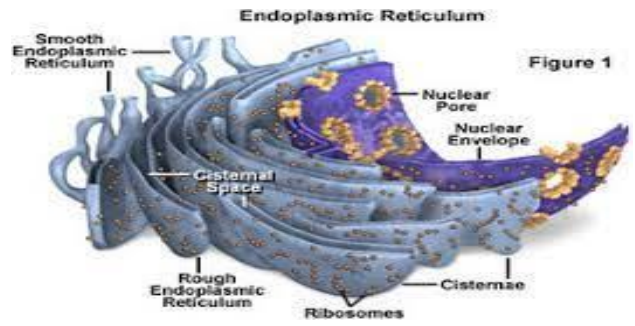
D. phản co nguyên sinh.

II. Tự luận (2 điểm)

Câu 29:



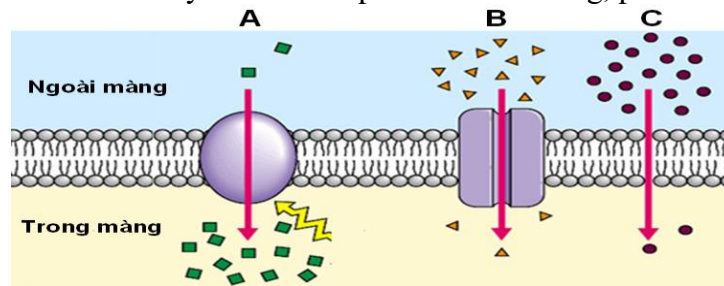
Hình 1



Hình 2

Cho biết tên cấu trúc hình 1 và hình 2. Phân biệt 2 cấu trúc đó về chức năng

Câu 30: Nghiên cứu hình dưới đây và cho biết phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai



- I. Con đường A và C là hình thức vận chuyển chủ động.
- II. Glucôzơ có thể vận chuyển theo con đường A và B
- III. Con đường B không cần tiêu tốn năng lượng
- IV. Nước có thể vận chuyển qua màng theo con đường B và C

Câu 31 : Khi ngâm rau sống vào nước muối loãng có tác dụng gì? Giải thích.

Câu 32 : Tế bào bạch cầu, tế bào hồng cầu, tế bào cơ tim và tế bào gan tế bào nào có nhiều lưới nội chất trơn nhất. giải thích

.....Hết.....